

TRƯỜNG: Tiểu học Long Thạnh Mỹ
LỚP:
HỌ TÊN:

ÔN TẬP MÔN: TOÁN- LỚP 1
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Bài 1. Liên sau số 4 là số:

A. 5

B. 7

C. 8

Bài 2. Số bé nhất trong các số 9, 10, 0, 7 là :

A. 7

B. 0

C. 10

Bài 3. Số lớn nhất có hai chữ số có trong dãy số sau 12,13,20,17.

A. 13

B. 17

C. 20

Bài 4. Số bé nhất có hai chữ số.

A. 13

B. 17

C. 10

Bài 5. Số bé nhất có một chữ số.

A. 0

B. 1

C. 2

Bài 6. $19 - \square = 19$

A. 0

B. 1

C. 2

Bài 7.

a. Khoanh tròn vào số lớn nhất :

11 ; 16 ; 10 ; 20 ; 15

b. Khoanh tròn vào số bé nhất :

12 ; 20 ; 14 ; 16 ; 19

Bài 8. Tính

$$11 + 4 - 3 = \dots\dots$$

$$15 + 2 + 0 = \dots\dots$$

$$15 + 3 - 7 = \dots\dots$$

$$14 + 4 + 1 = \dots\dots$$

$$16 + 3 - 5 = \dots\dots$$

$$17 + 2 + 0 = \dots\dots$$

Bài 9. Viết các số 20, 13, 19, 12, 15 theo thứ tự:

a/Từ bé đến lớn:

b/Từ lớn đến bé:

Bài 10. Điền dấu >,<>= thích hợp vào ô trống:

$9 \square 5$

$5 \square 4$

$6 \square 8$

$10 \square 8$

$6 \square 8$

$6 \square 17$

$17 \square 9$

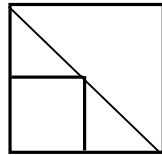
$5 \square 15$

Bài 11. Số ?

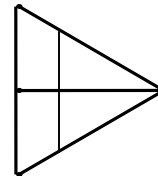
a. $\square - 7 \rightarrow 12 \xrightarrow{+6} \bigcirc - 2 \rightarrow \square \xrightarrow{+3} \bigcirc$

b. $18 \xrightarrow{-2} \square \xrightarrow{-2} \bigcirc \xrightarrow{+4} \square \xrightarrow{+1} \bigcirc$

c. Cóhình vuông;
Có hình tam giác



d. Có hình tam giác.



Bài 12. Viết phép tính thích hợp?

a) Có : 15 con tem
Mua thêm: 4 con tem
Tất cả có : con tem ?

--	--	--	--	--

b) Có : 12 xe máy
Đã bán: 2 xe máy
Còn lại: xe máy?

--	--	--	--	--